

Số: /BC-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025,
mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 5 năm 2026-2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 5 năm 2026-2030, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

Giai đoạn 2021-2025, tình hình thế giới thay đổi nhanh, phức tạp, nhiều yếu tố bất ổn, khó dự báo. Hòa bình, an ninh thế giới và khu vực đứng trước nhiều thách thức; xung đột vũ trang, chiến tranh ở một số nơi, nhất là ở Ukraina, Trung Đông; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 bùng phát; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cạnh tranh thương mại, công nghệ ngày càng gay gắt; chính quyền Mỹ thực hiện chính sách thuế đối ứng; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu suy giảm. Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số diễn ra nhanh, tác động sâu sắc, toàn diện đến đời sống xã hội. Đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động mạnh bởi các yếu tố bất lợi bên ngoài; vừa phải giải quyết những vấn đề phức tạp mới nảy sinh, vừa phải xử lý các tồn đọng từ nhiều năm trước.

Tại địa phương, tỉnh Hưng Yên (cũ) và tỉnh Thái Bình hợp nhất thành tỉnh Hưng Yên (mới) theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV với tổng diện tích tự nhiên là 2.514,81 km², dân số trên 3,2 triệu người, hoạt động từ ngày 01/7/2025 với 104 đơn vị hành chính cấp xã (11 phường, 93 xã). Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương, Chính phủ và sự phối hợp, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành Trung ương, tỉnh Hưng Yên đã kế thừa và phát huy những thành quả đạt được trong các giai đoạn trước, quyết tâm, nỗ lực, đoàn kết, vượt qua khó khăn, thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Kinh tế phát triển nhanh, toàn diện với nhiều thành tựu ấn tượng; một số lĩnh vực có bước đột phá nâng tầm thế và lực của tỉnh; tài nguyên được quản lý chặt chẽ và khai thác, sử dụng có hiệu quả hơn; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP, theo giá so sánh) giai đoạn 2021-2025 đạt 8,99%/năm, cao hơn giai đoạn 2016-2020 (8,28%/năm). Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, đến năm 2025 ước đạt 318.934 tỷ đồng, gấp 1,68 lần năm 2020. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 ước đạt gần 99 triệu đồng, gấp 1,63 lần năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 12,3%, công nghiệp, xây dựng chiếm 53,9%, dịch vụ chiếm 28% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,8%¹; đi đôi với tăng nhanh năng suất lao động², hiệu quả đầu tư³. Các cân đối kinh tế lớn và tiềm lực của tỉnh tiếp tục được củng cố vững chắc hơn; thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện 82.122 tỷ đồng, vượt dự toán giao. Huy động nguồn lực xã hội lớn cho đầu tư phát triển; hạ tầng kinh tế xã hội phát triển nhanh, đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, nông thôn; diện mạo đô thị và nông thôn thay đổi rõ nét; xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đạt kết quả tích cực, thuộc nhóm đầu của cả nước. Bảo vệ môi trường được tăng cường; có 98% hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường... Y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao và truyền thông có chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được chú trọng; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; số bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 12,1 bác sĩ; 88% trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 0,9%.

1. Sản xuất công nghiệp và xây dựng

Khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục đóng góp lớn vào tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 11,48%/năm và tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 10,56%/năm.

Ngành công nghiệp tiếp tục cơ cấu lại theo hướng công nghiệp công nghệ cao. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp nền tảng, công nghệ cao và công nghiệp phụ trợ, trong đó có nhiều dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao. Các doanh nghiệp tích cực đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động; số doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, áp dụng sản xuất thông minh ngày càng tăng, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế theo chiều sâu, tạo ra tính bổ trợ và hiệu ứng lan tỏa vùng mạnh mẽ, tạo nền tảng vững chắc để hướng tới xây dựng tỉnh trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, đa ngành, đa lĩnh vực có sức cạnh tranh cao trong vùng Đồng

¹ Giai đoạn 2020-2025 lần lượt là 17,4% - 49,4% - 26,5% - 6,7%

² Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt 10,3%/năm giai đoạn 2021-2025, cao hơn 8,8%/năm giai đoạn 2016-2020.

³ Tỷ lệ ICOR giảm từ 7,69 của giai đoạn 2016-2020 xuống còn 7,02 của giai đoạn 2021-2025

bằng Sông Hồng và cả nước. Sản phẩm công nghiệp từng bước khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và thế giới, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân ngành công nghiệp đạt 11,69%/năm, cao hơn giai đoạn 2016-2020 (11,08%/năm); giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng 10,48%/năm.

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh có thêm 11 khu công nghiệp thành lập mới và một số khu công nghiệp được mở rộng, 29 cụm công nghiệp được thành lập⁴. Khu kinh tế ven biển được tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội, trở thành điểm sáng thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn, công nghệ cao, dần trở thành một trung tâm và là động lực phát triển kinh tế quan trọng của tỉnh⁵. Các khu, cụm công nghiệp được triển khai và hoạt động hiệu quả, trở thành phương thức chủ đạo trong thu hút đầu tư của tỉnh, tạo việc làm mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách địa phương, nhất là các dự án đầu tư nước ngoài quy mô lớn, công nghệ hiện đại. Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống tiếp tục phát triển đa dạng, tạo việc làm và nâng cao thu nhập, đời sống của nhân dân ở khu vực nông thôn⁶.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch được đặc biệt quan tâm chỉ đạo, cơ bản khai thác được tiềm năng, lợi thế, tạo cơ sở để quản lý, định hướng đầu tư phát triển. Hai tỉnh Hưng Yên, Thái Bình (cũ) đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, mở ra không gian mới, động lực tăng trưởng mạnh mẽ, là sản phẩm kết tinh trí tuệ của Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh, cụ thể hóa khát vọng phát triển với nhiều điểm mới mang tính đột phá chiến lược⁷. Đã phê duyệt, điều chỉnh nhiều quy hoạch ngành, lĩnh vực; sửa đổi bổ sung và ban hành các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với quy định của trung ương và tình hình thực tiễn địa phương.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 ước đạt 625.071 tỷ đồng, gấp 1,63 lần giai đoạn 2016-2020; tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP bình quân đạt 47,1%, giảm 1,8% GRDP so với giai đoạn 2016-2020. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, tạo chuyển biến mang tính đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội; chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội, thương mại, dịch vụ, đô thị, nông thôn, y tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, hạ tầng số, viễn thông, điện, nước, thủy lợi..., nhất là hạ tầng giao thông, các trục giao thông đầu mối, trọng điểm, các tuyến giao thông huyết mạch trong tỉnh, giao thông kết nối với thủ đô

⁴ Lũy kế đến nay, tỉnh có 01 khu kinh tế, 26 khu công nghiệp (trong đó 05 khu công nghiệp nằm trong khu kinh tế) với tổng diện tích gần 6.541 ha, tỷ lệ lấp đầy 56,5% và có 77 cụm công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 4.106,78 ha (46 cụm công nghiệp đã vào hoạt động).

⁵ Lũy kế đến hết tháng 10/2025, Khu kinh tế có 248 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 200.155 tỷ đồng (không tính dự án nhà ở), trong đó có 173 dự án đầu tư trong nước với số vốn 89.671 tỷ đồng và 75 dự án có FDI với số vốn khoảng 4,6 tỷ USD

⁶ Toàn tỉnh hiện có 177 làng nghề, trong đó 160 làng nghề đã được công nhận; có 49 sản phẩm của các làng nghề đã tham gia đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP, trong đó có 31 sản phẩm đạt hạng 03 sao và 18 sản phẩm đạt hạng 04 sao.

⁷ Mục tiêu xây dựng tỉnh Hưng Yên (cũ) thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế, trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước và thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng tỉnh Thái Bình (cũ) trở thành địa phương thuộc nhóm phát triển khá và là một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của Vùng đồng bằng sông Hồng. Hiện đang thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

Hà Nội và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Bắc Bộ⁸ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhanh và bền vững. Tỉnh đã quy hoạch 7 đường cao tốc, 12 quốc lộ, 57 đường tỉnh, 5 tuyến đường sắt và 43 cầu quan trọng, nhất là 5 cầu lớn qua sông Hồng⁹ kết nối với thủ đô Hà Nội. Nhiều công trình, dự án giao thông trọng điểm, quan trọng được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, hoàn thành và đưa vào khai thác trong 5 năm qua¹⁰ với chiều dài hàng nghìn km; tỷ lệ các tuyến đường được trải nhựa, bê tông hóa cao¹¹ tạo bước phát triển đột phá, thay đổi diện mạo, năng lực về hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo hành lang đón làn sóng đầu tư, tạo lợi thế cạnh tranh thu hút vốn, góp phần cải thiện đời sống nhân dân ở cả khu vực đô thị và nông thôn, thu hẹp khoảng cách trình độ phát triển giữa các địa phương.

Hạ tầng đô thị phát triển nhanh, tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 ước đạt 34%¹², đẩy mạnh các dự án khu đô thị lớn, hiện đại, sinh thái¹³ và phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân, người lao động trong các khu, cụm công nghiệp¹⁴. Toàn tỉnh hiện có 35 đô thị¹⁵, nhiều công trình trọng điểm đã được hoàn thành, tạo điểm nhấn cảnh quan đô thị, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân¹⁶. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được tập trung đầu tư phát triển theo hướng hiện đại; gắn phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Hạ tầng thương mại, dịch vụ được quan tâm đầu tư phát triển theo hướng hiện đại; thương mại điện tử đang hình thành và từng bước hoàn thiện. Hạ tầng vận tải đã kết nối liên thông cảng, bến thủy nội địa với các trung tâm logistics, cảng cạn ICD, ga đường sắt tạo điều kiện nâng tầm phát triển công nghiệp, dịch vụ và thương mại.

Công tác giải phóng mặt bằng được chỉ đạo quyết liệt¹⁷, có nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả với sự tham gia của cả hệ thống chính trị trên quan điểm vừa đẩy

⁸ Tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (GĐ II); Đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua tỉnh Hưng Yên; Đường vành đai 3,5; Đường Tân Phúc - Võng Phan; Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài; Đường trục ngang kết nối QL.39 với ĐT.376; Đường ĐT.382B (đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng); Đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng; Đường kết nối đường ĐT.387 với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Tuyến đường bộ ven biển; Tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08)...

⁹ Cầu Ngọc Hồi, Cầu Mễ Sở, Cầu Đông Ninh, Cầu Chí Tân, Cầu Mai Động.

¹⁰ Đến cuối năm 2025, tỉnh Hưng Yên có 26,55 km đường cao tốc; 237,4 km đường quốc lộ, tăng 35,2 km; 626,3 km đường tỉnh, tăng 243 km; 793,5 km đường huyện, tăng 147,6 km; 352,5 km đường đô thị, tăng 237,6 km; 203,5 km đường chuyên dùng, tăng 111,8 km; 2.541,3 km đường xã, liên xã, thôn, tăng 1.022 km so với năm 2020. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Hưng Yên (cũ) hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng 28,14 km quốc lộ, 127,13 km đường tỉnh, 229,6 km đường huyện, 43 km đường đô thị, 76 km đường chuyên dùng và trên 1.000 km đường xã, liên xã, thôn; tỉnh Thái Bình đã hoàn thành đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng 1.182 km đường cả ở 4 cấp (bao gồm 7,1 km quốc lộ, 86,2 km đường tỉnh, 546 km đường huyện, 543 km trục xã và đường giao thông nông thôn), nổi bật là triển khai xây dựng 3 tuyến đường bộ cao tốc (CT.08, CT.39, CT.16), các tuyến đường trong Khu Kinh tế, cảng biển và một số cảng cạn ICD.

¹¹ Tỷ lệ 99,53% các tuyến đường huyện, đô thị, 99,4% đường xã, liên xã được trải nhựa hoặc bê tông; 93,27% đường trong thôn, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa.

¹² Trong đó tỉnh Hưng Yên (cũ) đạt 48,2%, tăng 7,2% so với cuối năm 2020 và tỉnh Thái Bình đạt 27,8%.

¹³ Như các dự án khu đô thị: Đại An, Dream City, Ecopark, Kiến Giang, Alluvia City...

¹⁴ Giai đoạn 2021-2025, xây dựng gần 9,18 triệu m² diện tích sàn nhà ở thương mại và 1.500 căn nhà ở xã hội diện tích 81.148 m²

¹⁵ Tỉnh Hưng Yên (cũ) có 23 đô thị (gồm 01 đô thị loại 3, 01 đô thị loại 4, 01 đô thị loại 4 trung tâm huyện và 20 đô thị loại 5). Tỉnh Thái Bình có 12 đô thị (gồm 01 đô thị loại II, 02 đô thị loại IV, 09 đô thị loại V).

¹⁶ Tiêu biểu là: Quảng trường, Tượng đài Bác Hồ với nông dân, Công viên Kỳ Bá, Hồ Ty Rượu...

¹⁷ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên (cũ) ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 08/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

mạnh tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, vừa có cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp lý, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân có đất bị thu hồi. Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo các dự án trọng điểm tỉnh, qua đó phát huy hiệu quả rất tích cực; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong triển khai các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, của quốc gia trên địa bàn tỉnh, nhất là giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư. Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Hưng Yên đã giải phóng mặt bằng 10.702,24 ha phục vụ triển khai các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thương mại, dịch vụ

Giai đoạn 2021-2025, thương mại, dịch vụ phát triển nhanh với tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân ngành đạt 9,0%/năm và giá trị sản xuất tăng 8,65%/năm, cao hơn giai đoạn 2016-2020 (lần lượt là 6,53%/năm và 6,65%/năm); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân tăng 23%/năm, cao hơn mức 8,4%/năm giai đoạn 2016-2020 và quy mô đến năm 2025 gấp 2,81 lần so với năm 2020. Dịch vụ vận tải và logistic phát triển đa dạng, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hóa và đi lại của người dân. Các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ bán lẻ tiếp tục phát triển ở cả thành thị và nông thôn; hoạt động thương mại điện tử có bước tiến quan trọng; kinh doanh, mua bán trực tuyến trên nền tảng số phổ biến hơn. Hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm và xây dựng thương hiệu được quan tâm phát triển, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 11.968 triệu USD, bình quân tăng 14,15%/năm, gấp 1,94 lần so với năm 2020.

Dịch vụ du lịch phát triển khá và ngày càng khẳng định vị trí trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, nhất là du lịch văn hóa tâm linh gắn với các lễ hội. Hoạt động du lịch có nhiều chuyển biến tích cực; sản phẩm du lịch từng bước đa dạng hoá và nâng cao chất lượng (du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, làng nghề...); công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch có nhiều đổi mới, thu hút đông đảo du khách đến thăm quan, trải nghiệm, khám phá. Số lượt khách đến tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 10,6 triệu lượt người, tăng 43,24% so với giai đoạn 2016-2020. Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả, cung cấp các dịch vụ, tiện ích đa dạng, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; xây dựng nông thôn mới

Nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển ổn định, gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, tạo chuyển biến rõ nét diện mạo của nông nghiệp, nông thôn. Giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng GRDP bình quân toàn ngành đạt 2,2%/năm và giá trị sản xuất tăng 2,16%/năm, thấp hơn mức tăng tương ứng lần lượt 2,58%/năm và 2,6%/năm của giai đoạn 2016-2020 do chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (công nghiệp, đô thị, nhà ở, giao thông...). Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa

quy mô lớn, tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác¹⁸; hình thành các khu chuyên canh, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao gắn với chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp và đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn kết các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản; coi trọng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và bảo vệ môi trường... Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến bán hàng và phương thức tiêu thụ nông sản trên nền tảng số, thương mại điện tử. Các đặc sản truyền thống của địa phương như nhãn lồng, vải trứng, hạt sen, cam, chuối... được quan tâm đầu tư mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ trong trồng trọt cho năng suất, chất lượng cao hơn, đáp ứng nhu cầu thị trường. Chăn nuôi phát triển theo hình thức trang trại, ứng dụng khoa học công nghệ và an toàn sinh học. Nuôi trồng thủy hải sản được quan tâm đầu tư, phát huy lợi thế khu vực ven sông, khai thác các khu vực ven biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển quốc gia; chuyển mạnh sang phương thức thâm canh, bán thâm canh, nuôi cá lồng trên sông và sản xuất con giống; tổng sản lượng thủy sản năm 2025 ước đạt 357,7 nghìn tấn, tăng 17,5% so với năm 2020. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển góp phần nâng cao chất lượng rừng ven biển, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân; đến nay, toàn tỉnh có 100% xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, 163 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 57 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, có 02 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 232 khu dân cư được công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu¹⁹. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp, góp phần cải thiện thu nhập của người dân, giảm nghèo, phát triển kinh tế nông thôn. Sản phẩm OCOP tăng nhanh, đến nay, có 606 lượt sản phẩm tham gia đánh giá, xếp hạng được công nhận là sản phẩm OCOP (*493 lượt sản phẩm đạt 3 sao và 113 lượt sản phẩm đạt 4 sao*), có 560 sản phẩm được cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP (454 sản phẩm đạt 3 sao, 106 sản phẩm đạt 4 sao).

4. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai

Tài nguyên, đất đai được quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả hơn; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường; ô nhiễm môi trường từng bước được xử lý. Quy hoạch, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên (đất, nước, cát, vật liệu xây dựng...); xử lý nghiêm các vi phạm về đất đai, xây dựng, nhất là vi phạm quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi trái phép mục đích sử dụng đất, sử dụng đất đai lãng phí, xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp, vi phạm hành lang giao thông, đê điều, thủy lợi²⁰. Đa số các khu công nghiệp hoạt động đều có công trình xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn môi trường; 90% chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị và 87% chất thải rắn

¹⁸ Hưng Yên cũ đạt 250 triệu đồng/ha; Thái Bình cũ đạt 201,3 triệu đồng/ha

¹⁹ Tỉnh Hưng Yên (cũ) có 2 huyện (Văn Giang, Phù Cừ) và 100% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 43% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; tỉnh Thái Bình có 20% xã đạt chuẩn NTM nâng cao và gần 3% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

²⁰ Tỉnh Hưng Yên (cũ) đã xử lý, giải tỏa 53.244 (đạt 96,7%) công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, hành lang an toàn giao thông, hành lang bảo vệ đê điều và công trình thủy lợi với tổng diện tích 26.879 m² (đạt 60%).

sinh hoạt ở nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn. Duy trì ổn định hệ thống thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt; tăng cường đầu tư hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn. Quy hoạch và triển khai các dự án xử lý rác thải sinh hoạt tập trung; quản lý chặt chẽ các nguồn phát thải; thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, nhất là khu vực nông thôn, làng nghề. Tăng cường các biện pháp bảo vệ hệ sinh thái ven biển, ven sông, đất ngập nước, rừng ngập mặn, đa dạng sinh học và khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên.

Tổ chức thực hiện, chỉ đạo quyết liệt, đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ phòng chống thiên tai, nhất là bão Yagi năm 2024, Wipha năm 2025...; các sở, ngành, địa phương, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai các biện pháp cụ thể, với tinh thần sẵn sàng ứng phó với bão, lũ. Hệ thống đê điều, công trình thủy lợi được đầu tư cải tạo, gia cố, khắc phục kịp thời các điểm sạt lở, xung yếu và bảo đảm an toàn. Chỉ đạo thực hiện phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, sự cố chất thải; ngăn chặn, xử lý kịp thời vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều...; chủ động sẵn sàng hộ đê, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hằng năm.

5. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư vào tỉnh được đẩy mạnh, có trọng tâm. Môi trường đầu tư của tỉnh được cải thiện, tạo sức hấp dẫn đối với cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tổ chức nhiều đoàn công tác đi xúc tiến đầu tư tại các nước châu Âu, châu Mỹ, châu Á, châu Đại Dương, qua đó, đã ký kết được một số thỏa thuận hợp tác quan trọng. Tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo và đón tiếp nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh và làm việc với các doanh nghiệp đang triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Phối hợp, chia sẻ, trao đổi thông tin, hợp tác phát triển với các địa phương lân cận; huy động sự đóng góp của những người con quê hương thành đạt, doanh nhân tiêu biểu vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ban hành nhiều cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh và triển khai đồng bộ các giải pháp tạo sự chuyển biến tích cực trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh²¹; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư với các chủ trương, định hướng chiến lược, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư đồng bộ, rõ ràng về đối tượng, lĩnh vực ngành nghề trọng tâm²². Do vậy, thu hút đầu tư đạt kết quả vượt bậc, trong đó có nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao, tạo nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; giai đoạn 2021-2025 đã thu hút được 1.046 dự án đầu tư (637 dự án đầu tư trong nước và 409 dự án đầu tư nước ngoài) với tổng số vốn đăng ký là 429,3 nghìn tỷ đồng và 10,9 tỷ USD. Lũy kế đến ngày 30/11/2025, toàn tỉnh có 3.061 dự án trong nước với tổng

²¹ Năm 2024, xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI của tỉnh Hưng Yên (cũ) đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố, tăng 43 bậc so với năm 2020 (mức tăng nhanh nhất cả nước); tỉnh Thái Bình xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố.

²² Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án khu đô thị, khu du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái; dự án khu thương mại tập trung, khu dịch vụ tổng hợp, siêu thị, trung tâm thương mại; dự án trung tâm dịch vụ logistics; dự án khu bến cảng; dự án khu nuôi trồng và chế biến thủy hải sản; các dự án đầu tư công nghiệp công nghệ cao, sản xuất sản phẩm máy tính, thiết bị điện tử và linh kiện, ô tô và phụ tùng, thiết bị điện, sản phẩm điện tử gia dụng...

vốn đăng ký 688,3 nghìn tỷ đồng và 932 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn gần 17,13 tỷ USD.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. Doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước là lực lượng nòng cốt đóng góp tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, tạo việc làm mới, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Nhờ những nỗ lực không ngừng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thành lập và hoạt động, số doanh nghiệp của tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh tăng nhanh. Giai đoạn 2021-2025, có 15.777 doanh nghiệp được thành lập mới với số vốn đăng ký 236,1 nghìn tỷ đồng, tăng 64,26% về số lượng và 162,33% về vốn đăng ký; lũy kế đến ngày 30/11/2025, trên địa bàn tỉnh có trên 34.908 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 525,1 nghìn tỷ đồng. Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động, đóng vai trò quan trọng trong một số lĩnh vực thiết yếu như bảo vệ môi trường, dịch vụ, hạ tầng thủy lợi. Các hợp tác xã, tổ hợp tác không ngừng được đổi mới và phát triển cả về số lượng và chất lượng; thu hút khá nhiều thành viên, hoạt động năng động và chủ động cơ cấu lại sản xuất phù hợp với cơ chế thị trường, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và giải quyết các vấn đề xã hội. Đến nay, toàn tỉnh có 01 liên minh hợp tác xã, 02 liên hiệp hợp tác xã, 970 hợp tác xã với 556.949 thành viên, tăng 12,79% về số hợp tác xã và 4,97% về số thành viên so với cuối năm 2020; 810 tổ hợp tác với 4.050 thành viên.

6. Tình hình thu chi ngân sách, hoạt động tín dụng, ngân hàng

Thu ngân sách địa phương tăng vượt bậc, bền vững, bảo đảm đáp ứng cho các nhiệm vụ chi, cân đối ngân sách ổn định vững chắc hơn; kỷ cương, kỷ luật quản lý ngân sách được tăng cường. Năm 2025, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh ước đạt 82.122 tỷ đồng, vượt xa mục tiêu đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 ước thực hiện 277.429 tỷ đồng, gấp 2,45 lần so với giai đoạn 2016-2020, tăng mạnh cả thu từ tiền sử dụng đất do đẩy mạnh đô thị hóa và thu từ sản xuất, kinh doanh. Cơ cấu thu chuyển biến theo hướng tích cực, bền vững hơn; nguồn thu, cơ sở thu mở rộng; các khoản thu từ các sắc thuế, phí, lệ phí đều có sự tăng trưởng; thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất tăng cao so với giai đoạn trước và vượt kế hoạch hằng năm đề ra. Công tác điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước được tăng cường, bảo đảm đúng chế độ, chính sách, hiệu quả và triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển. Cân đối ngân sách ổn định cao, không phát sinh bội chi; nguồn dự phòng ngân sách hợp lý đủ để chủ động ứng phó với các tình huống đột xuất, bất ngờ (thiên tai, dịch bệnh...). Nhờ nguồn thu ngân sách địa phương tăng nhanh, tỉnh có điều kiện tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh điều chỉnh tăng nhiều lần, đạt tổng vốn đầu tư công 152.155 tỷ đồng, mức lớn nhất từ trước đến nay và gấp 3,92 lần so với giai đoạn 2016-2020.

Hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng cơ bản ổn định; huy động vốn, tín dụng tăng khá, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh tiếp tục quan tâm, bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách, góp phần giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội. Đến 31/12/2025, tổng nguồn vốn huy động toàn địa bàn ước đạt 315.400 tỷ đồng, tăng 1,8 lần so với thời điểm 31/12/2020, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 12,6%; tổng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 257.000 tỷ đồng, tăng 1,9 lần so với thời điểm 31/12/2020, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 14%.

7. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt nhiều tiến bộ; quản lý nhà nước về y tế được tăng cường; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các tuyến; triển khai xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh với quy mô hiện đại. Trình độ đội ngũ y bác sĩ từng bước được nâng lên; tiếp cận nhiều kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại²³. Công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền được phát huy. Thị trường dược phẩm cơ bản được kiểm soát, đáp ứng thuốc cho các cơ sở khám chữa bệnh và nhu cầu điều trị của nhân dân. Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, hóa mỹ phẩm, thiết bị y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm bảo đảm theo quy định. Chỉ số phát triển con người (HDI), tầm vóc, thể lực người dân từng bước được nâng cao; tuổi thọ trung bình và nhiều chỉ số sức khỏe cao hơn so với bình quân cả nước²⁴; các chương trình mục tiêu về y tế đạt kết quả tốt. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và thực hiện các giải pháp bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Số bác sĩ trên 1 vạn dân tăng từ 10,1 năm 2020 lên 12,1 năm 2025; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt trên 95% dân số; duy trì tốc độ gia tăng dân số bình quân trong giai đoạn 2021-2025 dưới 1%/năm.

Công tác y tế dự phòng ngày càng chủ động; phòng chống, đẩy lùi thành công và hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra. Triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện các biện pháp phòng chống và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, tạo tiền đề quan trọng để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đưa đời sống người dân trở lại trạng thái bình thường. Các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị và nhân dân trong tỉnh đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, đề cao cảnh giác, không chủ quan, lơ là, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung

²³ Trang bị các thiết bị hiện đại như: máy chụp MRI, máy City Scanner, máy DSA, máy XQ kỹ thuật số, máy siêu âm màu 3D, 4D, máy điện não, máy xét nghiệm hiện đại, máy chạy thận nhân tạo, dụng cụ phẫu thuật nội soi... Các kỹ thuật cao đã triển khai như: Tuân hoàn ngoài cơ thể; phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất, liên nhĩ; phẫu thuật bệnh lý ống động mạch ở trẻ em bằng mô mỡ; phẫu thuật điều trị thoát vị hoành; phẫu thuật điều trị hoại tử thủng dạ dày ở trẻ sơ sinh; phẫu thuật điều trị tắc tá tràng bẩm sinh; phẫu thuật điều trị teo ruột; phẫu thuật điều trị tắc ruột phân su; phẫu thuật tạo hình khe hở môi, thờ máy trẻ em; đặt stent can thiệp động mạch vành, phẫu thuật mạch máu, phẫu thuật khâu cắt kén khí màng phổi điều trị ổ cận, nút mạch u gan, can thiệp tim mạch kín, phẫu thuật thay khớp háng, phẫu thuật thay khớp gối, phẫu thuật tim hở...

²⁴ Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng từ mức 0,724 năm 2020 lên 0,764 năm 2025. Tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 74,8 tuổi năm 2020 lên 76 tuổi năm 2025.

ương và của tỉnh; tập trung nguồn lực cho công tác phòng chống dịch, tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức tự giác và trách nhiệm cùng với cộng đồng tham gia, hưởng ứng phòng chống dịch với tinh thần quyết tâm cao. Với những biện pháp chỉ đạo đồng bộ và quyết liệt, đã nhanh chóng kiểm soát được các ổ dịch tại cộng đồng, chủ động kiểm soát, khống chế, ngăn chặn không để dịch bùng phát, không để bệnh nhân tăng nặng và hạn chế các ca tử vong.

8. Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục, đào tạo tiếp tục được đổi mới căn bản, toàn diện; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; phương pháp dạy và học ở bậc phổ thông ngày càng hướng tới phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, lấy người học làm trung tâm, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội, đồng thời coi trọng chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, phát hiện, bồi dưỡng các tài năng của tỉnh. Học sinh phát triển về thể chất, trí tuệ, năng lực, năng khiếu, phẩm chất đạo đức; trình độ dân trí, chất lượng, trình độ của lực lượng lao động được nâng cao. Giai đoạn 2021-2025, các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, có 13.547 giải cấp tỉnh, 440 giải cấp quốc gia và 01 giải quốc tế. Phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập được triển khai rộng rãi với nhiều mô hình hiệu quả trong xã hội; huy động nguồn lực lớn cho đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; coi nguồn lực con người là then chốt, động lực lớn cho sự phát triển. Các chủ trương, chính sách phát triển toàn diện con người Hưng Yên ngày càng đồng bộ, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu người học và nhu cầu sử dụng lao động của thị trường; nâng cao năng lực đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực với kỹ năng, trình độ chuyên môn trong điều kiện chuyển đổi số và Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập được tinh gọn tổ chức bộ máy, đồng thời sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, giáo viên; khuyến khích, tạo điều kiện thành lập và hoạt động của các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập để đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân²⁵. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được quan tâm phát triển thông qua tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng các tiêu chuẩn giáo viên ở các cấp học, bậc học; từng bước xử lý thừa thiếu cục bộ đội ngũ giáo viên do yếu tố cơ cấu và thực hiện chuẩn mới về chương trình giáo dục, đào tạo và giáo viên. Cơ sở vật chất, trường, lớp học, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua sắm, hiện đại hóa gắn với thực hiện trường chuẩn quốc gia²⁶. Hầu hết các trường học, lớp học đều được xây dựng kiên cố²⁷. Tỉnh bảo đảm kinh phí cho giáo

²⁵ Kết thúc năm học 2024-2025, trên địa bàn có 496 cơ sở GDMN (447 trường công lập, 49 trường tư thục), 6.689 nhóm lớp; 719 cơ sở GDPT, 15.015 lớp (197 trường TH, 187 trường THCS, 255 trường TH&THCS, 1 trường THCS&THPT, 8 trường TH, THCS&THPT, 71 trường THPT); 2 TT GDTX, 18 TT GDNN-GDTX; 33 cơ sở GDNN (14 trường cao đẳng, 11 trường trung cấp, 8 trung tâm dạy nghề); 201 TT tin học - ngoại ngữ, 24 đơn vị, trung tâm tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống...

²⁶ Đến tháng 8/2025: Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia: 88%; MN: 85%; TH: 97%; THCS: 95%; THPT: 66%

²⁷ Đến tháng 8/2025: Mầm non: 95,9%; Tiểu học: 95,78%; Trung học cơ sở: 97,22%; Trung học phổ thông: 88,96%.

dục và đào tạo (bình quân chiếm 20% chi ngân sách địa phương); đồng thời khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư mở các cơ sở giáo dục ngoài công lập²⁸.

9. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp tích cực trong giải quyết những vấn đề quan trọng, tạo nền tảng phát triển nhanh, bền vững của tỉnh. Năng lực, trình độ nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số của tỉnh được nâng lên đã thực sự tác động sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội, phương thức và cách thức quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, giao tiếp..., theo đó năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị nền kinh tế được nâng cao, góp phần quan trọng thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động (giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 10,3%/năm), tăng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP, nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân, xây dựng xã hội hiện đại, văn minh. Phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số đã lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, ứng dụng trong sinh hoạt hàng ngày của người dân..., nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, tài chính, ngân hàng, thuế... Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), chỉ số chuyển đổi số (DTI) được cải thiện đáng kể²⁹. Số lượng doanh nghiệp khoa học, công nghệ, các tổ chức có hoạt động khoa học công nghệ, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, sản phẩm giao dịch công nghệ và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ ngày càng tăng³⁰. Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là đổi mới, hiện đại hóa quản trị và công nghệ, áp dụng các quy trình, phương pháp sản xuất thông minh, nâng cao năng suất lao động.

Chuyển đổi số là ưu tiên hàng đầu, được chỉ đạo quyết liệt và đạt kết quả quan trọng bước đầu trên cả ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số³¹. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Quy định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; Chương trình chuyển đổi số quốc gia³²; Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia³³. Tỉnh chủ động, tích cực và đạt được kết quả cao trong thực hiện chuyển đổi số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến (đạt 100%) và ứng dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ

²⁸ Đến tháng 8/2025: Mầm non: 49 trường; Tiểu học: 9 trường; THCS: 8 trường; THPT: 27 trường ngoài công lập.

²⁹ Năm 2024, Hưng Yên đứng thứ 14/63 (PII) và 31/63 (DTI); Thái Bình đứng thứ 23/63 (PII) và 52/63 (DTI) trong cả nước.

³⁰ Hiện có 15 doanh nghiệp hoạt động KHCN; 32 tổ chức có hoạt động KHCN; 20 phòng thí nghiệm; 03 sản phẩm giao dịch...

³¹ Tỉnh Hưng Yên: Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP là 9,26%; tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ 5,3%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 26,2%. Tỉnh Thái Bình: Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 6,7%.

³² Phê duyệt theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

³³ Phê duyệt theo Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

công quốc gia ngày càng hiệu quả, toàn diện³⁴. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng, hành chính nhà nước được đẩy mạnh, trọng tâm là số hóa dữ liệu, xây dựng nền tảng số, hệ thống phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành; bảo đảm hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, xã được kết nối thông suốt với Cổng dịch vụ công quốc gia; tập trung mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, hoàn thiện nền tảng để xây dựng và phát triển chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số gắn với tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cắt giảm giấy tờ, thủ tục và thời gian xử lý văn bản³⁵.

Hạ tầng kỹ thuật viễn thông phát triển rộng khắp; mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh với tất cả các điểm kết nối từ tỉnh đến cấp xã hoạt động ổn định, thông suốt. Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử tỉnh đã kết nối, chia sẻ tới các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương. Tăng cường đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, trọng tâm là cơ sở dữ liệu; trang thiết bị công nghệ, máy tính, thiết bị đầu, cuối; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; đường truyền dữ liệu; đào tạo, bồi dưỡng, trang bị kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là tổ chức thực hiện tốt phong trào “Bình dân học vụ số” và các tổ công nghệ số cộng đồng. Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tỉnh quan tâm bố trí nguồn lực và ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ngày càng tăng; giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã chi gần 1.700 tỷ đồng³⁶, gấp 6,2 lần giai đoạn 2016-2020. Thị trường khoa học, công nghệ từng bước đi vào ổn định; ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học đã góp phần quan trọng tăng giá trị sản xuất trên 1ha ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; thúc đẩy người dân và doanh nghiệp chuyển đổi sang sản xuất, tiêu dùng ngày càng xanh, sạch, an toàn và bảo vệ môi trường.

10. Lao động, việc làm và công tác an sinh xã hội

Quản lý nhà nước về lao động, việc làm có nhiều bước đổi mới và phát triển. Thu nhập của người dân được cải thiện, tăng từ 4.137.000 đồng/tháng năm 2020 lên 6.375.300 đồng/tháng năm 2025 (tăng 54,1%); tạo nhiều việc làm mới,

³⁴ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được định danh, xác thực điện tử hoặc xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương. 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Từ ngày 10/9/2025, 100% thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên phạm vi toàn tỉnh

³⁵ Năm 2025, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đạt 100% (trừ VB mật); hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%; văn bản điện tử ký số đạt 100%.

³⁶ Hàng năm, tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số so với tổng chi thường xuyên của ngân sách địa phương là 1,43% (tỉnh Hưng Yên cũ) và 2,23% (tỉnh Thái Bình).

thu nhập ổn định nhờ chuyển dịch lao động sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ cùng với quá trình đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhanh, từ 1,83% năm 2020 xuống 1,6% năm 2025. Năng lực, trình độ đào tạo của các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường và các doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 68% năm 2020 lên 80% năm 2025, trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 21,3% năm 2020 lên 27,2% năm 2025; số lao động có việc làm đạt tỷ lệ cao, chiếm 98,4% lao động trong độ tuổi; tỷ trọng lao động có việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 27,9% năm 2020 xuống 18,3% năm 2025.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Tổ chức tốt các hoạt động thăm, tặng quà đối với người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết. Tỉnh có nhiều chính sách vượt trội về công tác an sinh xã hội, chăm lo gia đình chính sách, người có công, người cao tuổi, hộ sản xuất nông nghiệp và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế trong xã hội (nâng mức trợ cấp và mở rộng đối tượng trợ cấp xã hội hằng tháng; nâng mức hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế...). Chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và ở mức thấp hơn bình quân cả nước, đến năm 2025, ước tính giảm xuống còn 0,9%³⁷. Phong trào “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” được thực hiện quyết liệt, hoàn thành kế hoạch trước thời hạn đề ra, toàn tỉnh hỗ trợ 4.374 hộ gia đình xây mới, sửa chữa nhà ở. Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em và vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Công tác hỗ trợ người dân, người lao động và doanh nghiệp trong và sau đại dịch Covid-19 hoặc do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu được triển khai kịp thời, tích cực, đúng quy định.

11. Văn hóa, thể thao, thông tin tuyên truyền

Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch được quan tâm phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, giải trí của nhân dân. Nhiều thiết chế văn hóa thể thao, nhất là ở cơ sở được đầu tư cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả. Là địa phương có nhiều di tích lịch sử, di sản văn hóa³⁸, các cấp ủy đảng, chính quyền luôn quan tâm công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa³⁹ trở thành các điểm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, điểm đến du lịch; giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử, yêu nước, cách mạng và khơi dậy lòng tự hào của quê hương, trở thành nguồn lực, động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển với nhiều công trình, tác phẩm có ý nghĩa, ca ngợi công cuộc đổi mới và phát triển của đất nước và địa phương...; giai đoạn 2021-2025, có 1.246 công trình, tác phẩm, sáng tác văn hóa, văn học, nghệ thuật

³⁷ Trong đó tỉnh Hưng Yên (cũ) giảm còn 0,35%; tỉnh Thái Bình (cũ) giảm còn 1,62%.

³⁸ Có 3.562 di tích lịch sử, di sản văn hóa, trong đó đã được xếp hạng cấp quốc gia: 284; cấp quốc gia đặc biệt 6; cấp tỉnh: 885. Năm 2024, tổ chức UNESCO đã vinh danh Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là Danh nhân văn hoá thế giới. Đã đệ trình lên UNESCO xem xét hồ sơ khoa học vinh danh “Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn”; đang hoàn thiện hồ sơ trình UNESCO ghi danh “Nghệ thuật Chèo” vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại...

³⁹ Giai đoạn 2021-2025, đã phục dựng, tôn tạo, trùng tu, sửa chữa 495 công trình, di sản văn hóa với tổng số tiền 1.335 tỷ đồng.

đoạt giải trong các cuộc thi, gồm 813 giải cấp tỉnh, 391 giải cấp quốc gia, 42 giải cấp quốc tế.

Phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe trong nhân dân được mở rộng về từng khu dân cư, cộng đồng ở cơ sở; phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được đẩy mạnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên được quan tâm và đạt nhiều thành tích. Giai đoạn 2021-2025, nhiều tập thể, cá nhân của tỉnh Hưng Yên tham gia thi đấu và đạt nhiều giải thưởng thể thao, gồm 5.070 giải cấp tỉnh, 1.462 giải cấp quốc gia và 40 giải cấp quốc tế. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và triển khai xây dựng các khu dân cư, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị văn hóa và gia đình văn hóa, tiến bộ, hạnh phúc được đẩy mạnh. Nhiều sự kiện văn hóa quy mô lớn mang tầm quốc gia, quốc tế được tổ chức thành công, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, nâng cao hình ảnh, vị thế của tỉnh đối với bạn bè trong nước và quốc tế. Chất lượng quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản được nâng lên; kịp thời cung cấp thông tin chính thống giúp định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận trong xã hội; hoạt động thông tin đối ngoại được đẩy mạnh, góp phần quảng bá hình ảnh, thể mạnh của tỉnh. Dịch vụ Internet, hạ tầng viễn thông không ngừng được mở rộng. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G, cao hơn mức trung bình của cả nước, đạt 100% xã, phường, 5G đạt khoảng 10% dân số.

12. Công tác xây dựng chính quyền và cải cách hành chính

Triển khai quyết liệt, hiệu quả chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, thực hiện mô hình chính quyền hai cấp tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Từ ngày 01/3/2025, đã hoàn thành sắp xếp cơ quan tham mưu của các sở, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện⁴⁰. Từ ngày 01/7/2025, chính quyền địa phương 2 cấp với 104 đơn vị hành chính cấp xã (11 phường, 93 xã) nhanh chóng ổn định và đi vào hoạt động, gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được kịp thời bố trí, sắp xếp, kiện toàn. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đạt mục tiêu đề ra; bảo đảm minh bạch, dân chủ, đúng định hướng, lộ trình và giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và hệ thống chính trị của tỉnh; các cơ quan, đơn vị hoạt động bình thường, thông suốt, không gián đoạn. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được tinh gọn hơn; giảm số lượng cơ quan, đơn vị, cấp hành chính; giảm cấp trung gian, các đầu mối bên trong của từng tổ chức, cơ quan; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ trống chức năng, nhiệm vụ⁴¹. Hoạt động của chính quyền theo hướng “gần dân, sát dân, phục

⁴⁰ Tỉnh Hưng Yên (cũ): còn 15 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh, giảm 05 cơ quan (đạt tỷ lệ 25%); 111 phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, giảm 17 phòng và tương đương (đạt 13,28%), 90 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, giảm 20 phòng (đạt 18,1%), 534 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 08 đơn vị sự nghiệp công lập. Tỉnh Thái Bình: còn 14 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh, giảm 05 cơ quan (đạt 26,3%); 105 phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, giảm 34 phòng và tương đương (đạt 24,5%), 72 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, giảm 24 phòng (đạt 25%), 812 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 15 đơn vị sự nghiệp công lập.

⁴¹ Trong giai đoạn 2021-2025, đã giảm được 18 đơn vị hành chính cấp huyện; 381 đơn vị hành chính cấp xã; 10 cơ quan khối chính quyền tỉnh, 92 đơn vị sự nghiệp công lập và 236 đầu mối bên trong của các cơ quan, đơn vị. Tỉnh giảm 6.113 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, trong đó 432 người giữ chức danh lãnh đạo, quản lý...

vụ nhân dân” được thể hiện rõ nét. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường đã bố trí trụ sở, nhân lực theo quy định, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức, cá nhân. Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính đang thực hiện trong toàn tỉnh là 2.163 thủ tục, trong đó 1.004 thủ tục hành chính toàn trình, 1.082 thủ tục hành chính một phần; tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến đạt 93,26%. Từ ngày 10/9/2025, 100% thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên phạm vi tỉnh.

Tích cực xây dựng chính quyền liên chính, hành động, thân thiện và phục vụ nhân dân; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; đổi mới lề lối, phong cách làm việc, nâng cao chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân⁴² và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Chính quyền các cấp thường xuyên sửa đổi, bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách, quy định và khắc phục sự bất cập, chồng chéo trong các văn bản quy định của tỉnh; kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của các cơ quan hành chính; lề lối, phong cách phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức lấy người dân làm trung tâm. Mô hình “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ”, “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp” bước đầu được triển khai hiệu quả. Thực hiện triển khai quyết liệt các chủ trương, giải pháp chuyển đổi số. Các trung tâm phục vụ hành chính công được đầu tư đồng bộ trang thiết bị, điều kiện bảo đảm làm việc cùng phong cách, thái độ của cán bộ phục vụ tận tình, thân thiện với người dân, nhờ đó đã nâng cao chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Hầu hết các dịch vụ công đủ điều kiện đã được triển khai trực tuyến cấp độ 4 và phương thức toàn trình; người dân tiếp cận dịch vụ công thuận lợi, nhanh, thủ tục đơn giản, chính xác.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức và uy tín, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Công tác tổ chức cán bộ có nhiều đổi mới, trong đó tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, khách quan, dân chủ, bảo đảm các quy định... Từ năm 2023, phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hằng tháng được triển khai dựa trên kết quả công tác, mức độ hoàn thành về số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả chủ trương bí thư cấp ủy cấp huyện không phải là người địa phương, bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng dân phố⁴³, thí điểm bí thư, chủ tịch cấp xã không phải là

⁴² Năm 2024, xếp hạng chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp (SIPAS): Hưng Yên (cũ): 8/63; Thái Bình: 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX): Hưng Yên (cũ): 14/63; Thái Bình: 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI): Hưng Yên (cũ): 19/63; Thái Bình: 15/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁴³ Tỉnh Hưng Yên (cũ): 100% bí thư cấp ủy cấp huyện và 60% chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố không là người địa phương. Tỉnh Thái Bình: 100% bí thư cấp ủy cấp huyện và chủ tịch UBND cấp huyện không là người địa phương

người địa phương⁴⁴. Kịp thời rà soát, bổ sung quy hoạch và xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ... Công tác đầu tư, phát triển, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đặc biệt quan tâm⁴⁵. Ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng cán bộ, lao động có trình độ; công tác tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ được đổi mới, thực hiện nền nếp, dân chủ, khoa học, khách quan, đúng quy định; thực hiện tuyển dụng cán bộ chủ yếu qua thi tuyển (thi tuyển vị trí chức danh lãnh đạo cấp sở, cấp phòng); tăng cường luân chuyển cán bộ về địa phương để đào tạo, bồi dưỡng và tăng cường năng lực cán bộ ở cơ sở.

Công tác cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, tạo sự chuyển biến rõ nét và đạt nhiều kết quả quan trọng. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được triển khai hiệu quả; chất lượng xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL được nâng lên rõ rệt. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật được quan tâm; các giải pháp cải thiện chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật đi vào thực chất. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực được quan tâm; quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, nhất là với công tác hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nhiều vụ án, vụ việc phát hiện và xử lý nghiêm minh⁴⁶, góp phần từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp phòng và chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định; khắc phục kịp thời các sơ hở, bất cập dễ phát sinh vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện nghiêm chế độ chuyển đổi vị trí công tác⁴⁷ và kê khai tài sản, thu nhập. Các cơ quan công an, viện kiểm sát nhân dân và tòa án nhân dân các cấp thực hiện điều tra, truy tố, xét xử, xử lý các vụ án, vụ việc vi phạm theo đúng quy định; bảo đảm đúng người, đúng tội, không xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được triển khai quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực. Các cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan tố tụng, cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phối hợp chặt chẽ trong phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu hình sự sang cơ quan công an để xử lý theo quy định. Các cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu thực hiện nghiêm việc tiếp

⁴⁴ Tỉnh Hưng Yên (cũ) thực hiện thí điểm đạt 40,4% bí thư đảng ủy (kế hoạch: 30%) và 19,9% chủ tịch ủy ban nhân dân (kế hoạch: 10%) xã, phường, thị trấn không là người địa phương.

⁴⁵ Giai đoạn 2021-2025, có 139.837 lượt CBCVC, người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng; trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 24 người (0,24%); thạc sĩ: 1.084 người (10,87%); đại học: 8.835 người (88,57%) và cao đẳng, trung cấp: 32 người (0,32%).

⁴⁶ Giai đoạn 2021-2025, đã khởi tố 107 vụ án/381 bị can, truy tố 97 vụ án/345 bị can, xét xử 95/338 bị cáo tham nhũng, tiêu cực.

⁴⁷ Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Hưng Yên (cũ) có 745 lượt cán bộ và Thái Bình có 621 lượt cán bộ được chuyển đổi vị trí việc làm.

công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân theo quy định⁴⁸.

13. Quốc phòng, an ninh, quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Quân khu 3 về các nhiệm vụ, giải pháp quân sự, quốc phòng địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất và công trình quốc phòng, an ninh. Tỉnh quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư hoàn thiện các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện. Thực hiện tốt chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy lực lượng quân đội khi sáp nhập hai tỉnh Hưng Yên, Thái Bình. Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; tổ chức thành công diễn tập phòng thủ cấp tỉnh và cấp huyện, diễn tập khu vực phòng thủ dân sự, diễn tập tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ rộng khắp; hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hằng năm được giao với chất lượng được nâng lên; công tác tuyển sinh quân sự có chuyển biến rõ rệt. Duy trì nghiêm chế độ nắm địa bàn, trực sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện đồng bộ công tác quốc phòng; quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới biển. Thực hiện tốt chính sách quân đội và chính sách hậu phương quân đội. Lực lượng vũ trang tỉnh luôn tích cực, chủ động huy động lực lượng tham gia hỗ trợ, giúp nhân dân phòng chống thiên tai, bão lụt, dịch bệnh và khắc phục hậu quả, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được tăng cường. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị với vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, nhất là đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu dân cư trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phục vụ chuyển đổi số, tạo môi trường ổn định, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chủ động nắm tình hình, đấu tranh phòng chống tội phạm, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và vấn đề phức tạp ngay từ cơ sở. Triển khai hiệu quả kế hoạch, phương án bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế đến làm việc và các sự kiện quan trọng của tỉnh. Chủ động thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh quốc gia, quản lý an ninh trật tự và đấu tranh phòng chống tội phạm. Kiện toàn tổ chức bộ máy công an cấp tỉnh, xã phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

⁴⁸ Trong giai đoạn 2021-2025, các cấp ủy, chính quyền đã tổ chức 54.473 cuộc tiếp dân, 1.573 cuộc đối thoại với Nhân dân; tiếp nhận 35.399 đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

Tích cực, chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao Nhân dân, góp phần quan trọng hỗ trợ thúc đẩy thương mại, đầu tư, lao động, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, huy động nguồn vốn đầu tư nước ngoài và phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Hoạt động đối ngoại của tỉnh được triển khai đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thu hút đầu tư nước ngoài, kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng nhanh. Tổ chức nhiều diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư, kết nối đầu tư, kinh doanh; tổ chức các sự kiện ngoại giao, văn hóa gắn với xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá hình ảnh, môi trường kinh doanh của tỉnh. Tỉnh đã ký kết nhiều văn kiện hợp tác, hữu nghị quốc tế với các cơ quan, tổ chức nước ngoài. Hưng Yên đang nổi lên là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Giai đoạn 2021-2025 trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát, toàn diện, kịp thời, có trọng tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản ổn định, đạt nhiều thành tựu quan trọng, trong đó có những kết quả mang tính đột phá, là điều kiện tiền đề cho sự phát triển trong giai đoạn tới, cụ thể:

- Kinh tế phát triển khá toàn diện, nhanh và bền vững với nhiều kết quả nổi bật, nhất là tốc độ tăng trưởng GRDP, huy động nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng giao thông kết nối, góp phần nâng tầm vị thế của tỉnh trong bức tranh chung của vùng và cả nước; tăng cường xây dựng xã hội ổn định, hài hòa, tiến bộ, công bằng và bảo vệ sức khỏe, an ninh môi trường sinh thái. Thế, lực và sức mạnh tổng hợp của kinh tế tỉnh Hưng Yên được nâng lên. Vai trò và vị trí của tỉnh Hưng Yên trong liên kết vùng ngày càng quan trọng, nhất là kết nối hạ tầng giao thông, chuỗi sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

- Thu ngân sách địa phương tăng nhanh. Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ; tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đô thị hóa được đẩy mạnh. Kinh tế biển đóng vai trò quan trọng và dần trở thành động lực phát triển kinh tế. Kết quả thực hiện các khâu đột phá chiến lược tạo xung lực, động lực phát triển mạnh mẽ. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo sự chuyển biến trong tư duy, nhận thức và hành động.

- Huy động được nguồn lực lớn trong nước và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông phát triển nhanh, đồng bộ, có bước đột phá; diện mạo đô thị và nông thôn có sự thay đổi căn bản; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; an sinh xã hội và phúc lợi xã hội ngày càng được cải thiện; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

- Năng lực, trình độ quản lý nhà nước, quản trị xã hội của chính quyền các cấp được nâng cao, ứng phó, xử lý hiệu quả với các khó khăn, thách thức và đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Mô hình chính quyền địa phương hai

cấp gắn với xây dựng chính quyền sở, chính quyền liên chính, hành động, trách nhiệm, sát dân, gần dân, phục vụ nhân dân được hình thành, phát huy hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công chức được sắp xếp, tinh giản, sử dụng có hiệu quả, năng lực, trình độ được nâng lên.

- Kỷ cương, kỷ luật hành chính trong các cơ quan nhà nước được tăng cường Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Khó khăn, hạn chế

- Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa thật sự ổn định; quy mô kinh tế còn hạn chế; thu nhập bình quân đầu người, GRDP bình quân đầu người thấp hơn mức bình quân của cả nước; việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của một số dự án chưa thực sự dứt điểm. Tỷ trọng nguồn thu từ tiền sử dụng đất trong cơ cấu thu ngân sách còn lớn. Giải ngân vốn đầu tư công, giải phóng mặt bằng được chỉ đạo triển khai quyết liệt tuy nhiên một số công trình, dự án chưa đảm bảo tiến độ đề ra.

- Thu hút được nhiều dự án đầu tư tuy nhiên chưa có nhiều dự án sản xuất quy mô lớn, công nghệ cao, đóng vai trò chủ đạo trong các chuỗi cung ứng toàn cầu. Chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh lớn, ứng dụng công nghệ, giá trị gia tăng cao. Du lịch chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Mức độ đô thị hóa chưa đồng đều. Kinh tế biển chưa phát huy được hết thế mạnh, giá trị. Một số vi phạm về ô nhiễm môi trường, vi phạm về quy hoạch, đất đai, đô thị, đầu tư, xây dựng chưa được giải quyết hoàn toàn.

- Cải cách hành chính, chuyển đổi số ở một số đơn vị chưa có sự chuyển biến rõ nét. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo ở một số địa phương, đơn vị còn hạn chế. Nguồn nhân lực cấp xã còn tình trạng thừa thiếu cục bộ, chưa đồng đều về chất lượng, năng lực chuyên môn, nhất là ở các lĩnh vực đất đai, xây dựng, công nghệ thông tin, tài chính.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan: Tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu cực đoan; thị trường tài chính, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; mặt trái của kinh tế thị trường và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động tác động bất lợi đến sự ổn định và phát triển. Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chậm được sửa đổi, bổ sung, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, môi trường. Việc phân cấp, phân quyền chưa triệt để. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao, dẫn đến vi phạm pháp luật, khiếu kiện kéo dài. Tình trạng nguyên, nhiên vật liệu khan hiếm, giá cả tăng cao; năng lực của một số nhà thầu còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai công trình, dự án.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, pháp luật của Đảng và Nhà nước ở một số nơi, một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả. Một số công trình, dự án còn khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, xác định nguồn gốc đất, giá bồi thường và bố trí tái định cư.

- Sự phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, kịp thời. Một số cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, chưa thực sự coi trọng công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nhận thức và áp dụng pháp luật giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết các thủ tục hành chính đôi lúc chưa thống nhất. Một bộ phận cán bộ, công chức còn e dè, né tránh, đùn đẩy, ngại trách nhiệm, chưa phát huy hết tinh thần, trách nhiệm trong công tác tham mưu, thực thi công vụ.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

Giai đoạn 2026-2030, dự báo tình hình quốc tế, trong nước tiếp tục có những thời cơ vận hội và khó khăn, thách thức mới. Thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi, cục diện thế giới chuyển biến nhanh, phức tạp theo hướng đa cực, đa trung tâm và phân tuyến mạnh; thời gian tới, dự báo kinh tế, thương mại, đầu tư khu vực và thế giới còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn cản trở quá trình phục hồi kinh tế; xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng; toàn cầu hóa và liên kết kinh tế đối mặt với nhiều thách thức lớn; khu vực hóa và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng; thách thức toàn cầu tiếp tục tác động bất lợi đến an ninh và phát triển của các nước. Trong nước, vị thế, tiềm lực và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên; cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; đổi mới xây dựng và thực hiện pháp luật; phát triển giáo dục và đào tạo... đang tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển đột phá của đất nước trong kỷ nguyên mới; tuy nhiên, nhiều khó khăn, thách thức có những mặt gay gắt hơn so với giai đoạn trước; phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững, bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra trong những nhiệm kỳ trước vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp hơn, thể chế chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới, xu hướng già hóa dân số tăng nhanh, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng phức tạp, khó lường...; các thế lực thù địch, phản động gia tăng chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta dưới nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi.

Trong tình, việc thành lập tỉnh Hưng Yên mới, cùng với các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hiện đang triển khai điều chỉnh) đã mở rộng không gian phát triển, tạo thêm lợi thế, tiềm năng, cơ hội và động lực tăng trưởng mạnh mẽ, là tiền đề để thúc đẩy tỉnh vươn lên, phát triển nhanh và bền vững. Hưng Yên có vị trí địa lý thuận lợi,

hạ tầng giao thông đa phương tiện kết nối vùng tương đối đồng bộ; nằm cạnh thủ đô Hà Nội - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ của cả nước và thuộc vùng đồng bằng sông Hồng - vùng động lực phát triển hàng đầu, trong tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và giáp ranh với các địa phương đang phát triển rất nhanh, năng động. Vị trí địa lý thuận lợi vừa là cơ hội, song cũng kèm theo không ít thách thức và chịu sự cạnh tranh rất lớn trong thu hút nguồn lực, hầu hết các địa phương trong vùng đã vượt lên trên Hưng Yên ở một số lĩnh vực. Khả năng huy động nguồn lực còn hạn chế so với nhu cầu; nhiều hạn chế, yếu kém từ nhiều năm của địa phương chưa được xử lý dứt điểm... Với bối cảnh đó, tận dụng tối đa thời cơ, tiềm năng, lợi thế của tỉnh, vượt qua khó khăn, thách thức, đón bắt xu thế phát triển mới; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng vươn lên; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; thu hút trọng dụng nhân tài; khai thác và kết hợp có hiệu quả các nguồn lực để phát triển tỉnh Hưng Yên bứt phá nhanh và bền vững; tỉnh Hưng Yên đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh, bền vững hơn với tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số; đẩy mạnh cơ cấu lại thực chất, hiệu quả hơn nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư nhà nước tại doanh nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và môi trường kinh doanh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 7 Nghị quyết của Bộ Chính trị⁴⁹ tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng tỉnh Hưng Yên là nền kinh tế năng động, phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh, kinh tế biển mạnh. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực xã hội; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế. Phát triển Hưng Yên tầm nhìn đến năm 2035 là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng các tiêu chí đô thị loại I; tầm nhìn đến năm 2045 là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương, có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc.

⁴⁹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Căn cứ kết quả ước thực hiện giai đoạn 5 năm 2021-2025 và những mục tiêu, định hướng giai đoạn 2026-2030 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030, dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của tỉnh như sau:

a) Về phát triển kinh tế

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP, theo giá so sánh) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10-11%/năm, phấn đấu đạt trên 11%/năm;

(2) Quy mô GRDP (theo giá hiện hành) đến năm 2030 đạt trên 600.000 tỷ đồng;

(3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 180 triệu đồng và phấn đấu tiệm cận mức GDP bình quân đầu người cả nước;

(4) Cơ cấu kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: 8%; Khu vực công nghiệp, xây dựng: 60%; Khu vực dịch vụ: 27,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 4,5%;

(5) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 11,5-12%/năm; trong đó khu vực: Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,3-2,5%/năm; Công nghiệp đạt 12,5-13%/năm; Xây dựng đạt 15,5-16%/năm và Dịch vụ đạt 8,5-9%/năm;

(6) Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 1.100.000 tỷ đồng; tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP đạt 47,6%;

(7) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt khoảng 65.000 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa khoảng 57.000 tỷ đồng (*thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất khoảng 36.000 tỷ đồng*); thu xuất, nhập khẩu khoảng 8.000 tỷ đồng; phấn đấu cuối nhiệm kỳ, tỉnh Hưng Yên đạt mục tiêu tự cân đối và có điều tiết một phần về ngân sách trung ương;

(8) Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 đạt 50%;

(9) Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 11%/năm;

(10) Tốc độ tăng năng suất lao động (theo giá so sánh) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 10%/năm;

(11) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 50%;

(12) Xếp hạng các chỉ số: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đến năm 2030 thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu.

b) Về phát triển xã hội

(13) Chỉ số phát triển con người HDI đến năm 2030 đạt mức 0,79;

(14) Tuổi thọ trung bình đến năm 2030 đạt 76,8 năm; trong đó, thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 70 năm;

- (15) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt dưới 1%/năm;
- (16) Số bác sỹ trên 1 vạn dân đến năm 2030 đạt trên 15 bác sỹ;
- (17) Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm 2030 đạt trên 43 giường;
- (18) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 99% dân số;
- (19) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt 60%;
- (20) Giai đoạn 2026-2030, tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hàng năm đạt 100%;
- (21) Tỷ lệ thất nghiệp chung đến năm 2030 dưới 1,5%; trong đó, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 1,7%, ở nông thôn dưới 1,35%;
- (22) Phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030 đạt 47.000 căn hộ;
- (23) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động đến năm 2030 giảm còn 15%;
- (24) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 đạt trên 40,5%;
- (25) Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 95%; trong đó, 100% trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia;
- (26) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2030 đạt dưới 0,5%;
- (27) Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo chuẩn của giai đoạn 2025-2030) đến năm 2030 đạt trên 70%; trong đó, trên 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (theo chuẩn của giai đoạn 2025-2030);
- (28) Giai đoạn 2026-2030, tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” hàng năm đạt trên 90%.

c) Về bảo vệ môi trường

- (29) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đến năm 2030 đạt 100%;
- (30) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030 đạt 100%;
- (31) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định đến năm 2030 đạt 100%;
- (32) Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 đạt 100%;
- (33) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đến năm 2030 đạt 100%;
- (34) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030 đạt 100%;
- (35) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đến năm 2030 đạt khoảng 70%.

d) Về quốc phòng, an ninh

(36) Giai đoạn 2026-2030, hằng năm, kiểm chế, kéo giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, cơ cấu lại, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

1.1. Cơ cấu lại toàn diện và phát triển nền công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động và thân thiện môi trường trên cơ sở tạo lập hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát huy các tiềm năng, thế mạnh để đưa Hưng Yên trở thành một trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng

Tập trung thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, nền tảng, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, điện tử, bán dẫn, tự động hóa, công nghệ số, chế biến, chế tạo, ô tô, dược, thiết bị y tế, năng lượng, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Thúc đẩy công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ; sớm đưa các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, sức lan tỏa mạnh đi vào vận hành nhằm gia tăng năng lực sản xuất, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, làm động lực chủ yếu để phát triển công nghiệp. Tăng cường liên kết cụm ngành, nhóm sản phẩm tạo thành tổ hợp công nghiệp; xây dựng hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ, hiện đại, đa dạng, tích hợp. Thu hút đầu tư có chọn lọc, hướng tới gia tăng giá trị sản phẩm công nghiệp, khuyến khích đầu tư ngành công nghiệp mới, dự án nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Giải quyết kịp thời thủ tục của các dự án đầu tư mới, dự án đã có kế hoạch đưa vào khai thác, nhất là dự án đầu tư lớn, các dự án đã có chủ trương đầu tư. Thúc đẩy các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ đầu tư phát triển hạ tầng, giải ngân vốn, triển khai hiệu quả các dự án đầu tư trọng điểm đã thu hút thành công trong giai đoạn vừa qua. Mở rộng, cơ cấu lại và tái phân bổ không gian phát triển công nghiệp phù hợp với không gian, tiềm năng, lợi thế của tỉnh sau sắp xếp; rà soát, quy hoạch các khu sản xuất tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics, cảng cảng phù hợp với tổ chức không gian phát triển mới của tỉnh và tăng cường liên kết ngành. Triển khai xây dựng nhanh, phát triển mạnh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, nhất là các khu công nghiệp quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế; ưu tiên phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ và các khu công nghiệp hỗ trợ. Đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp dược - sinh học và thu hút đầu tư, phát triển trở thành trung tâm công nghiệp

được hàng đầu của vùng và cả nước. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và hoạt động của các khu, cụm công nghiệp.

1.2. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng

Xây dựng trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp; hình thành chuỗi khí, điện; hydrogen, nhà máy điện. Duy trì, phát triển các nguồn điện hiện có trên địa bàn tỉnh; ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; khuyến khích đầu tư điện hạt nhân module nhỏ. Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình, các dự án sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện rác, hệ thống dự trữ năng lượng... Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải điện, các trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng. Giảm dần và tiến tới xóa bỏ các trạm trung gian, thay thế bằng các trạm 110kV hoặc bằng các xuất tuyến trung áp mới; huy động nguồn lực từng bước ngầm hóa lưới điện trung và hạ áp hiện có.

1.3. Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng

Phát triển kinh tế biển bền vững với mô hình khu kinh tế tự do đa ngành đối chuẩn quốc tế trên cơ sở chuyển đổi khu kinh tế hiện có gắn với lấn biển trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, năng lượng mới, logistics, cảng biển, sân bay, đô thị nghỉ dưỡng biển, giải trí. Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển⁵⁰; chủ động tham gia liên kết trong vành đai kinh tế ven biển Duyên hải Bắc Bộ (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hưng Yên - Ninh Bình). Xây dựng Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc giai đoạn 2026-2030. Trình cấp có thẩm quyền thành lập và triển khai xây dựng Khu kinh tế tự do gắn với cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội; trở thành một trong những khu kinh tế mở, năng động, thân thiện với nhà đầu tư bậc nhất châu Á, là nơi thể chế và chính sách đột phá thúc đẩy 4 tự do (tự do hoạt động kinh doanh, tự do dòng vốn và tài chính, tự do thu hút nhân tài và tự do về quản trị); hướng tới phát triển theo mô hình tích hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, tập trung vào các ngành sản xuất công nghệ cao, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và dịch vụ hiện đại, hình thành một hệ sinh thái năng động, trở thành một động lực và cực tăng trưởng mới của Hưng Yên, vùng đồng bằng sông Hồng và khu vực phía Bắc. Thực hiện hiệu quả phương án phân bổ và sử dụng không gian biển; phát triển không gian kinh tế hướng biển để làm giàu từ biển; mở rộng khu kinh tế tự do thông qua lấn biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội hài hòa với bảo tồn phục hồi, phát triển hệ sinh thái biển tại các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước. Mở rộng hành lang, không gian hướng biển, kết nối với các

⁵⁰ Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Khu kinh tế 5 năm 2026-2030; lập Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế trên cơ sở Khu Kinh tế tự do được cấp thẩm quyền chấp thuận; Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế/Khu kinh tế tự do giai đoạn 2026-2030...

địa phương ven biển; đầu tư cải tạo mở rộng các tuyến luồng hàng hải; quy hoạch, xây dựng sân bay, cảng biển có năng lực tiếp nhận tàu tải trọng 200 nghìn tấn trở lên; đầu tư hệ thống giao thông hiện đại, đa phương tiện kết nối Khu kinh tế tự do với thủ đô Hà Nội, các địa phương vùng đồng bằng sông Hồng và các trung tâm, tiểu vùng của tỉnh.

1.4. Phát triển dịch vụ, thương mại chất lượng cao, phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định giá cả hàng hóa

Phát triển mạnh mẽ thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với đẩy nhanh đô thị hóa. Xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch đồng bộ, đa dạng; kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại. Tạo điều kiện thuận lợi thu hút, triển khai các dự án siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm trên địa bàn tỉnh, nhất là các khu vực đô thị, khu tập trung đông dân cư; phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở nông thôn. Xây dựng Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả lĩnh vực thương mại, dịch vụ tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, bán lẻ, phân phối hàng hóa, tài chính, ngân hàng, viễn thông, du lịch, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí; các ngành công nghiệp văn hóa, thể thao, hệ thống logistics, cảng biển, cảng sông, cảng cạn đồng bộ, hiện đại, kết nối với hệ thống cảng trong khu vực đồng bằng sông Hồng. Ưu tiên phát triển một số trung tâm thương mại, logistics, khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng lớn tầm vùng và quốc gia; xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn trong các khu vực đô thị. Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ, xuất khẩu; thực hiện tốt công tác khuyến công, khuyến thương và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường, kết nối cung cầu, gắn kết giữa sản xuất với phân phối và tiêu dùng; tổ chức các hội chợ, quảng bá hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ, nhất là nông sản đặc trưng, sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Phát triển các kênh phân phối, bán hàng, chú trọng các kênh dựa trên nền tảng số, sàn điện tử, thương mại điện tử. Xây dựng Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch tổ chức hoạt động xúc tiến tiêu thụ nông sản của tỉnh. Tận dụng các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), phát triển các thị trường xuất khẩu mới, mở rộng các thị trường xuất khẩu truyền thống. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; bám sát diễn biến thị trường, chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Quản lý chặt chẽ thị trường hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh lành mạnh; phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh an toàn, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận tín dụng và dịch vụ tài chính, ngân hàng. Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, hiệu quả, đưa Hưng Yên trở thành thị trường bất động sản lớn của khu vực. Phát triển các dịch vụ lao động, việc làm và trung tâm giới thiệu việc làm. Từng bước phát triển

thị trường khoa học, công nghệ, sản giao dịch các sản phẩm khoa học, công nghệ. Bảo đảm cân đối cung, cầu và ổn định giá cả hàng hóa theo cơ chế thị trường, cạnh tranh lành mạnh; phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật, đầu cơ, thao túng, lũng đoạn thị trường.

1.5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế biển, năng lượng và hạ tầng số; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đa phương thức, cảng biển, các trục giao thông kết nối với các đường cao tốc, quốc lộ, kết nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc Bộ; các tuyến đường trục kết nối các trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị, thương mại, du lịch của tỉnh

Phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững gắn với phát triển kinh tế đô thị và dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao. Phát triển chuỗi các đô thị và có sự kết nối giữa các đô thị trung tâm, đô thị chức năng; phát triển các khu đô thị lớn, thông minh, sinh thái, hiện đại, mô hình đô thị mới theo định hướng giao thông (TOD). Tăng nhanh tốc độ đô thị hóa và nâng cao tỷ lệ đô thị hóa; xác định đô thị hóa cùng với phát triển kinh tế đô thị là một trong những động lực phát triển của tỉnh. Tập trung đầu tư, xây dựng đáp ứng trực tiếp các tiêu chí đô thị theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị vùng, chương trình phát triển đô thị. Rà soát, hoàn thiện đồng bộ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, chương trình phát triển đô thị, nhà ở; hình thành các khu vực đô thị trung tâm quy mô lớn, các khu đô thị vệ tinh, đô thị chức năng. Tổ chức lập quy hoạch gắn với nâng cao chất lượng lập, thẩm định các đồ án quy hoạch; tăng cường quản lý quy hoạch, xây dựng, đô thị, nhà ở, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật. Đẩy nhanh tiến độ các dự án khu đô thị mới, nhà ở, khu dân cư, nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động⁵¹. Rà soát, điều chỉnh và triển khai Chương trình phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2026-2030, Dự án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, năm 2025 và các năm 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; xây dựng Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh... Đẩy mạnh thu hút đầu tư và tiến độ triển khai các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, đặc biệt là các dự án quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới các chỉ tiêu phát triển đô thị và chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Đề án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035. Rà soát các dự án nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của các đối tượng chính sách và cán bộ, công chức, người lao động; đến năm 2030 xây dựng được 47.000 căn nhà ở xã hội. Rà soát, đánh giá tiến độ triển khai các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý dứt điểm những dự án chậm tiến độ, không triển khai, nhà đầu tư không còn năng lực thực hiện.

Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch và tập trung đầu tư phát triển hệ thống giao thông, trọng tâm là giao thông, vận tải đa phương tiện, khối lượng lớn, tốc độ cao, chi phí thấp, nhất là đường sắt đô thị tốc độ cao, đường cao tốc, đường

⁵¹ Phát triển nhà ở ven sông Trà Lý, Khu đô thị Kiến Giang, Dự án Trump International Hưng Yên, Công viên trung tâm và khu đô thị mới Đông Khoái Châu, Khu nhà ở Châu Hưng - Vaquarius, Khu nhà ở xã hội tại phường Phố Hiến (Vingroup)...

quốc lộ, đường biển, đường sông, đường thủy; các tuyến đường giao thông trục chính của tỉnh, tuyến giao thông kết nối với thủ đô Hà Nội, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng, các tuyến giao thông kết nối các trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị. Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông giai đoạn 2026-2030. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng các công trình giao thông trọng điểm kết nối đồng bộ giữa các khu vực trong tỉnh⁵²; kết nối với thủ đô Hà Nội, các tỉnh lân cận; kết nối các khu công nghiệp, hệ thống cảng sông, cảng biển, cảng cạn, bến thủy nội địa và các trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, trung tâm logistics. Quy hoạch phát triển hệ thống cảng, hệ thống cầu qua sông kết nối với địa phương giáp ranh, các bến xe công cộng, mạng lưới vận tải liên tỉnh và nội tỉnh. Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ các khu, cụm công nghiệp trong tổng thể tổ chức không gian kinh tế của tỉnh; phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng tiêu chuẩn của các nhà đầu tư toàn cầu và yêu cầu phát triển bền vững; phát triển các cụm công nghiệp phục vụ doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Hoàn thiện quy hoạch và đẩy mạnh đầu tư đồng bộ các hạ tầng thương mại, dịch vụ, đô thị, nhà ở, nông thôn mới; hạ tầng đê điều, thủy lợi, bảo vệ môi trường, cấp, thoát nước và phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo; hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, năng lượng, chiếu sáng, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình.

Thực hiện quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án theo Chỉ thị 15-CT/TU ngày 08/11/2021 và Kết luận 740-KL/TU ngày 12/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; huy động cả hệ thống chính trị tham gia công tác giải phóng mặt bằng, trong đó coi trọng công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận. Chủ động, kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, nhất là đối với công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, quốc gia trên địa bàn tỉnh⁵³; không để xảy ra tình trạng dự án chờ mặt bằng sạch, chậm tiến độ triển khai, giải ngân vốn vì thiếu mặt bằng sạch. Cấp xã, cơ quan, đơn vị chủ đầu tư, nhất là người đứng đầu chịu trách nhiệm khi để xảy ra chậm trễ, ách tắc trong giải phóng mặt bằng, dẫn đến chậm tiến độ triển khai các dự án. Phấn đấu hoàn thành giải phóng mặt bằng các công trình, dự án giao thông trọng điểm, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, dự án nhà ở xã hội trong vòng 12 tháng kể từ khi chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Tăng cường

⁵² Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án, nhất là hạ tầng giao thông trọng điểm của tỉnh, có tính chất liên kết, kết nối vùng (đường vành đai 3,5; đường kết nối di sản văn hóa, du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng; đường Tân Phúc - Võng Phan; đường cao tốc CT.08; đường từ Thái Bình đi cồn Vành; đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô; đường từ phường Thái Bình đi xã Hưng Hà kết nối với phường Phố Hiến; Tuyến đường Đông - Tây kết nối từ phường Phố Hiến về cảng biển Diêm Điền; tuyến đường Bắc - Nam kết nối từ Hưng Yên qua các phường khu vực phía Nam tỉnh đến Cồn Vành...), các dự án trọng điểm trong, ngoài Khu kinh tế (các khu công nghiệp: VISIP, Hải Long, Hưng Phú, Số 1, Dục - Sinh học; nhà máy nhiệt điện LNG; nhà máy sản xuất Amoniac...), các dự án đầu tư thứ cấp trong các khu, cụm công nghiệp và hạ tầng khu đô thị, nhà ở... Chủ động phối hợp với các bộ ngành, tranh thủ nguồn lực hỗ trợ của trung ương, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục, sớm triển khai đầu tư xây hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung (Cảng biển Diêm Điền; Đại học Bách Khoa cơ sở 2, Trường đại học Y Dược Thái Bình thành trường đại học thông minh; cầu Tiên Hưng, cầu Mai Động, cầu Hưng Thái...); nghiên cứu, đề xuất quy hoạch và đầu tư tuyến đường trục chiến lược Bắc - Nam của tỉnh với quy mô lớn, kết nối Hà Nội với Khu kinh tế tự do và vùng biển của Hưng Yên...

⁵³ Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô; đường vành đai 3,5; đường Tân Phúc - Võng Phan; tuyến đường CT.08; đường kết nối di sản văn hóa, du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng; đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu; Khu kinh tế tự do; các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu nhà ở...

công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; xử lý nghiêm các vi phạm phát sinh trong giải phóng mặt bằng.

1.6. Cơ cấu lại toàn diện, phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; chuyển sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn cao hơn, hướng tới mô hình nông thôn mới hiện đại, văn minh

Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ cấu lại toàn diện và phát triển ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo chuẩn mới. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, vùng chuyên canh quy mô lớn, năng suất cao, giá trị gia tăng cao. Rà soát, bổ sung điều chỉnh cơ chế chính sách, tạo động lực mới và bố trí nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, phát triển các ngành chế biến, hình thành chuỗi giá trị nông, thủy sản chất lượng cao, xuất khẩu; liên kết sản xuất nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và bảo quản, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại, cơ giới hóa, tự động hóa; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường quản lý chất lượng nông, thủy sản từ khâu ươm tạo, chọn giống tốt đến nuôi trồng, chế biến; xây dựng quy trình GMP, SOP trong lĩnh vực sơ chế, chế biến nông sản; mở rộng diện tích sản xuất nông, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, VietGAP, GlobalGAP. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá các nông sản của tỉnh; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản uy tín. Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030; Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch phát triển sản xuất chăn nuôi giai đoạn 2026-2030... Chú trọng phát triển các đặc sản truyền thống và sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh của địa phương; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản gắn với thực hiện các biện pháp chống khai thác IUU, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng Đề án điều tra đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lòng phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý nghề cá tỉnh; Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn giai đoạn 2026-2030. Phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp với trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả vùng đất ngập nước ven biển, bảo đảm việc phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp gắn chặt với bảo vệ môi trường và phát huy sự đa dạng hệ sinh thái trong các khu bảo tồn thiên nhiên.

Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo chuẩn mực mới với hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, sinh kế bền vững, gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; thu hẹp chênh lệch chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng giữa khu vực nông thôn và thành thị. Xây dựng Chương trình nông thôn mới tỉnh giai đoạn 2026-2030; Đề án hỗ trợ nâng cao khả năng nhận diện sản phẩm, kết nối kênh tiêu thụ nông sản đặc sản, chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề tỉnh với cộng đồng các nhà bán lẻ giai đoạn

2026-2030. Phát triển kinh tế nông thôn sinh thái, kinh tế làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn gắn với tăng cường bảo vệ môi trường sinh thái. Chú trọng phát triển đặc sản truyền thống và sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh, đa dạng hóa các sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển thành phần kinh tế tập thể có khả năng tham gia vào chuỗi giá trị nông sản. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê điều và giao thông nội đồng. Phát triển kinh tế nông thôn sinh thái, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ khu vực nông thôn.

1.7. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai các mô hình kinh tế mới, mang tính sáng tạo là nền tảng, động lực, tạo đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh

Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Xây dựng đề án thành lập Khu công nghệ cao và Đổi mới sáng tạo, đề án phát triển Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao, đề án cải thiện xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) và chỉ số chuyển đổi số (DTI). Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, chính quyền số, xã hội số; đến năm 2030, kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP. Triển khai quyết liệt, hiệu quả chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực và toàn xã hội, trong đó lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm. Ưu tiên phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, có thế mạnh của tỉnh. Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tích hợp, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng nền tảng số, các ứng dụng số, công cụ và giải pháp công nghệ. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, trang bị kiến thức số cho mọi người dân, cán bộ; triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, công viên công nghệ, trung tâm dữ liệu... trong Khu Đại học phố Hiến, Khu kinh tế tự do. Phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp số; thúc đẩy ứng dụng tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong doanh nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, kết nối với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các đối tác quốc tế; đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ chất lượng cao. Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số; tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của địa phương; triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, uy tín của sản phẩm, hàng hóa.

1.8. Tiếp tục phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp FDI, kinh

tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. Xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất, là đòn bẩy của kinh tế địa phương

Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát đi đôi với triển khai các giải pháp cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước, các quỹ đầu tư ngoài ngân sách của tỉnh; khắc phục tình trạng thua lỗ, kém hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước tại các đơn vị này; kiện toàn sớm tổ chức bộ máy, cán bộ, người quản lý, điều hành, bộ máy quản trị và nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành, kiểm soát của các đơn vị này theo quy định của pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ cơ cấu lại, sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước theo đúng tiến độ và định hướng của Tỉnh ủy tại Kết luận số 03-KL/TU ngày 20/11/2025. Xây dựng Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững; nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư lớn, công nghệ hiện đại trên địa bàn tỉnh. Xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khởi nghiệp, nhất là doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi hộ kinh doanh sang doanh nghiệp.

Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác và Liên minh Hợp tác xã. Phát triển các mô hình hợp tác xã chuyên ngành, mô hình hợp tác xã kiểu mới có năng lực quản trị, điều hành, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các hợp tác xã; giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể tham gia các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Khuyến khích kinh tế hộ gia đình và các làng nghề phát triển hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường. Xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, Kế hoạch phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Rà soát, hoàn thiện các quy định, cơ chế chính sách quản lý, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể được thành lập, hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững; tiếp cận thuận lợi các nguồn lực, yếu tố đầu vào của sản xuất (đất đai, vốn, lao động, thông tin, cơ hội đầu tư), thị trường, đổi mới quản trị, ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số.

1.9. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế; tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục triển khai cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, hiệu quả hơn; đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu, cơ sở thu; tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản công

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý (nằm sát thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), lợi thế về biển, hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, kết nối cao, tiềm năng về đất đai, lao động. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo đột phá và không ngừng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới lề lối, phương pháp, phong cách phục vụ, lấy người

dân và doanh nghiệp làm trung tâm, nâng cao chất lượng dịch vụ công, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhất là doanh nghiệp lớn, tập đoàn đa quốc gia. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đầu tư cho các khâu đột phá chiến lược, các ngành, lĩnh vực, địa bàn mang tính động lực phát triển; phát huy vai trò của đầu tư công mở đường, lôi kéo, dẫn dắt đầu tư tư nhân; tăng cường triển khai các phương thức đầu tư đối tác công tư, nhất là trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh tiến độ triển khai dự án đầu tư công và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Phân đầu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch đầu tư công hằng năm. Khẩn trương xử lý dứt điểm, triệt để nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh đối với các dự án đầu tư công cấp huyện, cấp xã (trước sắp xếp) theo đúng quy định của pháp luật; nghiêm cấm để phát sinh mới nợ đọng xây dựng cơ bản. Thực hiện có hiệu quả việc huy động và phân bổ các nguồn lực nhằm tạo ra giá trị mới, tạo ra sự phát triển và nâng tầm vị thế của tỉnh; tập trung làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng) và thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức...); sẵn sàng các điều kiện về năng lượng, khoáng sản, hạ tầng để đầu tư xây dựng các công trình.

Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi và các chế độ, chính sách do Trung ương, tỉnh đã ban hành; ưu tiên nguồn cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm. Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách địa phương; mở rộng nguồn thu, cơ sở thu, thu từ thuế, phí; giảm dần tỷ trọng nguồn thu không bền vững; bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách. Tăng cường các biện pháp chống thất thu, nhất là trong lĩnh vực đất đai, bất động sản, khoáng sản, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số. Đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử, thanh toán qua ngân hàng, chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế... Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước theo quy định; thực hiện tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi ngân sách, bảo đảm đúng dự toán, tiêu chuẩn, định mức chi, nhiệm vụ chi; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh chính sách tiền lương. Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công, bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; tập trung vốn đầu tư công cho các công trình trọng điểm tạo sức lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các dự án liên kết vùng, dự án đầu tư hạ tầng chiến lược lớn. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư công, thanh quyết toán vốn đầu tư, bàn giao, đưa công trình hoàn thành vào sử dụng và kết thúc dự án; không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản; kiên quyết xử lý các dự án đầu tư công chậm tiến độ, dở dang kéo dài. Rà soát, thống

kê, sắp xếp và xử lý hiệu quả các tài sản công, nhất là cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc, đất công sau sắp xếp đơn vị hành chính.

1.10. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai. Tập trung nâng cao năng lực bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vì mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường triển khai đồng bộ giải pháp “phòng” đi đôi với “chống” ô nhiễm môi trường, kiểm soát an toàn các nguồn phát thải; kiên quyết xử lý dứt điểm các điểm “nóng” ô nhiễm môi trường

Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai; quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất, nhất là đất công ích; bảo đảm phân bổ đất đai hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Tổng rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý dứt điểm các vi phạm đất đai, xây dựng và các dự án có sử dụng đất không triển khai, chậm tiến độ, gây lãng phí nguồn lực. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quản lý tài nguyên, môi trường. Đến năm 2030, hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên, môi trường hiện đại. Xây dựng công viên vĩnh hằng, đài hóa thân hiện đại, sinh thái; tổ chức các dịch vụ mai táng văn minh, thân thiện với môi trường. Huy động cả hệ thống chính trị tham gia công tác giải phóng mặt bằng đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư; tăng cường tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người dân có đất bị thu hồi. Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng hiệu quả các mỏ cát, đất, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn; xây dựng các khu xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng và tái chế chất thải. Rà soát, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các nguồn phát thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường trên hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Xây dựng đề án nâng cao năng lực hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ hiện đại tại đô thị và nông thôn; đề án rà soát, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kiểm soát cơ sở sản xuất đạt chuẩn môi trường; chương trình kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính, tiến tới phát thải ròng bằng “0” năm 2050.

Tăng cường năng lực dự báo, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai, bão lũ, kịp thời phòng, chống và sẵn sàng các phương án ứng phó với thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân, khắc phục nhanh nhất hậu quả do thiên tai gây ra. Rà soát, ưu tiên bố trí đủ vốn cho đầu tư, sửa chữa, nâng cấp điểm xung yếu đê, kè, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, hệ thống tiêu thoát nước; xử lý những vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai. Xây dựng Đề án tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng trái quy định, vi phạm về đất đai, thủy lợi, đê điều. Tăng cường công tác quản lý, phát triển và bảo vệ tốt rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; bảo tồn và phát triển bền vững hệ

sinh thái tự nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên. Rà soát quy hoạch, sắp xếp và đầu tư xây dựng hệ thống khai thác, sản xuất, cung cấp, phân phối nước sạch cạnh tranh, dễ tiếp cận và chi phí hợp lý. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch, chống độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh; hạn chế, tiến tới chấm dứt sản xuất nước sạch từ nguồn nước ngầm; bảo đảm đầy đủ nước đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn để cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp, nhất là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Rà soát, xử lý dứt điểm các nhà máy, hạ tầng cấp nước sử dụng nguồn vốn chương trình Propp, chương trình NTP; không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước.

2. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, con người Hưng Yên; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả giáo dục đào tạo, y tế; cải thiện an sinh, phúc lợi xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

2.1. Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hưng Yên toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ; lấy con người làm trung tâm trong chính sách phát triển. Tạo đột phá trong phát triển ngành du lịch. Tăng cường đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng số, hệ thống viễn thông, thông tin và truyền thông

Xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện về thể lực, tâm vóc, trí tuệ, đạo đức, nhân cách, có ý chí vươn lên mạnh mẽ, có khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc. Chú trọng phát triển văn hóa chính trị, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo, đạo đức doanh nhân. Bảo tồn, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, mang đậm bản sắc của Hưng Yên. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn, phục dựng, chống xuống cấp các di sản văn hóa, di tích lịch sử. Phát huy các giá trị di tích lịch sử, di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các di sản văn hóa, di tích lịch sử. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, người trực tiếp quản lý các di tích lịch sử, di sản văn hóa. Quan tâm đầu tư phát triển đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp tỉnh, xã gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và đô thị văn minh, hiện đại; ưu tiên quy hoạch, bố trí diện tích, sử dụng cơ sở nhà, đất, trụ sở dôi dư khi sắp xếp các cơ quan, đơn vị và huy động vốn đầu tư để xây dựng các công trình văn hóa, thể thao. Phát triển ngành công nghiệp văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, thể thao, giải trí; quy hoạch không gian thể thao, văn hóa sáng tạo, phát triển nghệ thuật. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các địa phương, đối tượng. Nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Khuyến khích phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thể thao chuyên nghiệp và thể thao thành tích cao. Đổi mới cơ chế quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao. Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hưng Yên đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; Đề án bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030; Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Kế hoạch phát triển thể dục, thể thao tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045; Nghị quyết của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2025-2030...

Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng các khu du lịch trọng điểm, nhất là các cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, điểm đến du lịch, các di sản văn hóa, di tích quốc gia đặc biệt; phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư dự án tái hiện Phố Hiến cổ, các dự án khu đô thị, dịch vụ, nghỉ dưỡng và đẩy nhanh triển khai dự án khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu. Xây dựng Đề án phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, Đề án tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035... Phát triển không gian du lịch có tiềm năng, lợi thế của địa phương như: du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử, làng cổ, làng nghề, nông nghiệp, trải nghiệm các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch; xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh. Ứng dụng công nghệ trong quản lý, số hóa dữ liệu di tích, từng bước hiện đại hóa công tác lưu trữ, tra cứu và phục vụ du khách. Xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề. Tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch qua các kênh truyền thông hiện đại và liên kết với các tổ chức lữ hành; tổ chức các sự kiện kinh tế, xã hội, thể thao, văn hóa, ngoại giao tầm quốc gia, quốc tế; mở rộng hợp tác, liên kết vùng, liên tỉnh trong phát triển tour, tuyến du lịch, nâng cao chất lượng và sức hút của sản phẩm du lịch tỉnh Hưng Yên trong chuỗi giá trị du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Chú trọng quản lý và giám sát thông tin mạng xã hội, chủ động đấu tranh, phản bác và đẩy lùi các thông tin xấu độc. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao khả năng tiếp cận các thông tin chính thống của người dân, hình thành văn hóa số trong cộng đồng. Xây dựng, phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, giám sát và ứng phó kịp thời với các sự cố an ninh.

2.2. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo, giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học, môn học, nhất là tình trạng thiếu giáo viên mầm non, phổ thông; tiếp tục triển khai lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên. Khẩn trương tổng kết và trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 về phê duyệt Đề án xây dựng Khu Đại học Phố Hiến tại tỉnh Hưng Yên. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đột phá phát triển và nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phân đầu đưa giáo dục phổ thông của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Tăng cường đầu tư, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy, học

gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong thi tuyển; khắc phục, xử lý tình trạng lạm thu, thu các khoản phí, lệ phí ở các cơ sở giáo dục, tình trạng dạy thêm, học thêm trái quy định. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các trường trung học phổ thông chuyên, theo đó, phê duyệt triển khai thực hiện Đề án phát triển Trường THPT chuyên Hưng Yên (phần đầu khởi công xây dựng vào năm 2026); tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp toàn diện Trường THPT chuyên Thái Bình để đạt chuẩn, nhằm hướng 02 Trường trở thành các cơ sở giáo dục trọng điểm của khu vực. Ưu tiên dành quỹ đất, trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục.

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc gia; một số trường, một số ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 hoặc G20; trong đó, khu vực phía Nam của tỉnh định hướng ưu tiên đào tạo các nhóm ngành chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế; lĩnh vực khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ kinh tế biển và logistics ven biển; khu vực phía Bắc của tỉnh tập trung đào tạo nhân lực, nhân lực chất lượng cao thuộc các nhóm nghề kỹ thuật, công nghiệp, công nghệ cao, chất bán dẫn, tự động hóa... Phát triển Trường Đại học Thái Bình trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, định hướng ứng dụng, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; chủ động thu hút các trường đại học uy tín, chất lượng cao thành lập, mở phân hiệu, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh; qua đó hình thành trung tâm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng.

2.3. Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; phát triển hệ thống y tế đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của Nhân dân

Thể chế hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm đề ra trong Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị. Quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng, cân đối, đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và sự hài lòng của người dân; có chính sách ưu đãi, đãi ngộ đặc biệt trong suốt quá trình từ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, phát huy năng lực, thể mạnh của đội ngũ cán bộ y tế. Chuyển mạnh từ tư duy tập trung khám bệnh, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, chú trọng bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục theo vòng đời. Xác định đúng vị thế, vai trò của y tế dự phòng, y tế cơ sở, y học cổ truyền; tập trung xây dựng, hoàn thiện, nâng cao năng lực y tế dự phòng, hệ thống y tế cơ sở bảo đảm phòng bệnh từ sớm, từ xa, từ cơ sở, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng; ưu tiên xây dựng, đầu tư đồng bộ về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị cho trạm y tế cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Nâng cao toàn diện chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phát triển y tế chuyên sâu và bảo đảm an ninh y tế.

Có chính sách, cơ chế đột phá trong huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong y tế; cải cách mạnh mẽ tài chính y tế, bảo đảm hiệu quả, bền vững của chính sách bảo hiểm y tế; tiếp tục thực hiện chủ trương ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ y tế ở mức cơ bản, người sử dụng chi trả cho phần vượt mức. Tạo bước chuyển biến rõ rệt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong kỷ nguyên mới trên địa bàn tỉnh. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng, cân đối, đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và sự hài lòng của người dân. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong y tế; cải cách mạnh mẽ tài chính y tế, bảo đảm hiệu quả, bền vững của chính sách bảo hiểm y tế.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng; hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, được lập Sổ sức khỏe điện tử; đến năm 2027 có ít nhất từ 4-5 bác sĩ/1 vạn dân; đến năm 2030, 100% trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ. Sắp xếp và nâng cao năng lực của các bệnh viện tuyến tỉnh, khu vực, y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu chất lượng. Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Xây dựng cơ sở dữ liệu về y tế, sức khỏe người dân; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Triển khai các dự án đầu tư xây dựng một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, trung tâm y tế chất lượng cao, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, phát triển kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu; khuyến khích đầu tư phát triển các bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân. Đổi mới cơ chế quản lý ngành y tế; phát triển đội ngũ cán bộ, bác sĩ và nhân viên y tế bảo đảm chất lượng; tăng cường lực lượng bác sĩ tuyến cơ sở; kết hợp hài hòa y học hiện đại và y học cổ truyền. Dự báo, giám sát, phát hiện sớm và khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, ứng phó với các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh và nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, rối loạn sức khỏe tâm thần. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát an toàn thực phẩm. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; có chính sách thích ứng với già hóa dân số; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội

Rà soát, tham mưu các giải pháp giải quyết ngay khó khăn về nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; xây dựng Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030. Nghiên cứu triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp để sớm phát triển trung tâm đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao ở khu vực phía Nam của tỉnh; hình thành trung tâm đào tạo nguồn nhân

lực chất lượng cao ở khu vực phía Bắc của tỉnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường dịch vụ việc làm, các hoạt động môi giới, giới thiệu việc làm; kết nối cơ sở đào tạo nghề - người lao động - người sử dụng lao động; hỗ trợ, định hướng đào tạo nghề theo nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp... Tăng cường các giải pháp hỗ trợ tạo việc làm mới, chú trọng phát triển thị trường lao động trong và ngoài nước để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Hợp tác, mở rộng thị trường lao động nước ngoài, hỗ trợ chính sách đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

2.5. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống an sinh xã hội đồng bộ, tiến bộ, công bằng, bền vững

Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Duy trì các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và các đối tượng xã hội, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi nhân dịp lễ, tết, ngày Thương binh-Liệt sỹ. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 của tỉnh. Phát triển và quản lý hiệu quả hệ thống bảo hiểm, tín dụng chính sách; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, hạn chế và khắc phục rủi ro xã hội cho mọi người dân, nhất là nhóm đối tượng yếu thế. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, linh hoạt; khuyến khích hình thành các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập. Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng; cải thiện điều kiện và nâng cao chất lượng sống của người dân.

3. Xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của dân, do dân, vì Nhân dân phục vụ; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số. Đẩy mạnh cải cách hành chính đi đôi với chuyển đổi số, không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, hiệu lực, hiệu quả, sát dân, gần dân gắn với sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị; bố trí và sử dụng hiệu quả cán bộ, tinh giản biên chế. Sắp xếp, tinh gọn và nâng cao hiệu quả, mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Triển khai cơ chế chuyển cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm một số nhiệm vụ, dịch vụ công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa các cấp trong tỉnh; phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương, cơ sở gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch chiến lược và xây dựng hệ thống quản lý, quản trị phát triển hiện đại; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở phát triển.

Triển khai bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Phát triển đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường thu hút, trọng dụng nhân tài; xây dựng Đề án xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, trình độ, đạo đức, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; tạo môi trường, điều kiện để rèn luyện, thử thách, phát triển đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ khoa học, cán bộ trẻ. Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng cán bộ; hoàn thiện khung năng lực, vị trí việc làm, tiêu chí đánh giá cán bộ; Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả các trí thức trẻ, cán bộ khoa học, công nghệ và người có trình độ chuyên môn cao; khuyến khích, hỗ trợ cán bộ tham gia đào tạo chuyên sâu, sau đại học. Tăng cường cán bộ có năng lực cho các lĩnh vực, địa bàn khó khăn, phức tạp, nhất là ở các xã, phường. Triển khai các chủ trương, biện pháp khuyến khích, bảo vệ cán bộ “Dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”.

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, minh bạch dựa trên nền tảng chính quyền số và đẩy mạnh cải cách hành chính. Xây dựng Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh giai đoạn 2026-2030. Chuyển đổi số toàn diện mô hình quản trị nhà nước dựa trên công nghệ số và dữ liệu số theo thời gian thực. Xây dựng Đề án “Chỉnh lý tài liệu nền giấy của các cơ quan, đơn vị, địa phương khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2028. Hoàn thành chỉnh lý tài liệu tồn đọng, tích đọng hình thành trong quá trình hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện đã kết thúc hoạt động hiện đang bảo quản tại Lưu trữ lịch sử; số hóa toàn bộ tài liệu Lưu trữ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn hình thành từ năm 2025 trở về trước tại Lưu trữ lịch sử; số hóa tài liệu lưu trữ cấp huyện đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh...; phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành số hóa toàn bộ dữ liệu, tài liệu cấp huyện, xã, tỉnh trước khi sắp xếp đơn vị hành chính. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, chuyển mạnh sang phương thức “chủ động” phục vụ, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Triển khai thực hiện mô hình “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp”, “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ” trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, quản lý, lề lối làm việc khoa học, hiệu quả; nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Đổi mới phương thức quản trị xã hội, quản lý phát triển hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp

luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật gắn với tăng cường hoạt động kiểm tra, rà soát, xác định “điểm nghẽn” thể chế, pháp luật đề tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Nâng cao hiệu quả công tác giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý; tăng cường tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với tinh thần kiên quyết, kiên trì, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường thực hiện kiểm soát tài sản thu nhập, chuyển đổi vị trí công tác; kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên các lĩnh vực. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại với nhân dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ngay từ cơ sở; không để phát sinh đơn thư, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

4. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng, quân sự địa phương; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao Nhân dân

Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân hiện đại, thể trận an ninh nhân dân và thể trận lòng dân vững mạnh. Quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới vùng biển; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh và các công trình phòng thủ vững chắc. Tổ chức lực lượng quân đội phù hợp với địa bàn và chính quyền địa phương 2 cấp; xây dựng lực lượng thường trực tinh, gọn, mạnh, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 1,6-1,8% dân số; huấn luyện 100% cơ sở dân quân tự vệ, quân số đạt trên 90%. Bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm và chất lượng đề ra. Tổ chức thực hiện và hoàn thành 100% các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự; diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ mỗi năm từ 2-3 sở, ngành; diễn tập chiến đấu phòng thủ 100% xã, phường. Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng; nâng cao nhận thức, nhận diện và đấu tranh phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; chủ động xử lý các tình huống không đề bị động, bất ngờ. Thực hiện tốt các chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội.

Xây dựng lực lượng Công an tinh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Bảo đảm

an ninh chính trị nội bộ, tư tưởng văn hóa, kinh tế, xã hội, an ninh mạng...; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy, nổ hiệu quả. Chủ động nắm tình hình, kịp thời giải quyết các vụ việc tiềm ẩn phức tạp, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Đẩy mạnh phòng ngừa, đấu tranh với các tệ nạn xã hội, tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Hằng năm, giảm số người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy; đến năm 2030 đạt ít nhất 50% số xã, phường, thị trấn không có ma túy. Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tham gia phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở vững mạnh; nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng hoạt động ở cơ sở; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án số 06.

Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao nhân dân, lấy người dân địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm. Cùng cố, làm sâu sắc hơn các quan hệ với các đối tác truyền thống, đồng thời chủ động, tích cực mở rộng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với các đối tác mới, tiềm năng trên thế giới. Tăng cường đàm phán, ký kết, thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc tế; đẩy mạnh hợp tác phát triển quốc tế về đầu tư, thu hút các nguồn vốn nước ngoài, du lịch, xuất khẩu lao động, văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo; tổ chức các sự kiện kinh tế, văn hóa, ngoại giao, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế, các cơ chế, chính sách của tỉnh Hưng Yên với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH^{Mai}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Lê Huy